

TỔNG MỤC LỤC TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU VĂN HỌC NĂM 2020

I- NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

| Tác giả | Tên bài | Số Tạp chí | Số trang |
|---|---|------------|----------|
| (1) | (2) | (3) | (4) |
| Đoàn Ánh Dương | Phụ nữ và chủ nghĩa dân tộc: Báo chí, các nhà dân tộc chủ nghĩa và vấn đề phụ nữ ở Việt Nam ba mươi năm đầu thế kỷ XX | II | 70 |
| Phương Lựu | Từ logic đa trị - mơ hồ đến phi logic trong tư duy nghệ thuật | III | 2 |
| Trần Thị Ngọc Anh - Đỗ Quỳnh Mai | Bản sắc văn hóa trong văn học địa phương tỉnh Thái Nguyên | V | 85 |
| Nguyễn Phú Trọng | Thư chúc mừng Tạp chí <i>Nghiên cứu văn học</i> | VI | 1 |
| Martina Thucnhi Nguyen | Từ văn chương tới hoạt động xã hội: Tự lực văn đoàn và cuộc cải cách nhà ở tại Hà Nội, 1937 - 1941 | VI | 54 |
| Lê Thị Hoa Maria | Văn học Công giáo và Đạo Công giáo đã góp phần xây dựng lịch sử và xã hội Việt Nam trong niềm tin như thế nào? | VII | 31 |
| Nguyễn Huy Bình | Biên soạn đại từ điển ngành ở Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp từ điển văn học | X | 73 |

II- LÝ LUẬN

| (1) | (2) | (3) | (4) |
|---------------------------|---|-----|-----|
| | | | |
| Nguyễn Thế Kỷ | Văn học trong cơ chế thị trường | I | 5 |
| Phong Lê | Phác thảo hơn một thế kỷ thành tựu nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học Việt Nam hiện đại | I | 13 |
| Hà Minh Đức | Vốn sống và trang văn | I | 18 |
| Lưu Văn Bổng | Văn học so sánh - cái duyên thâm liên kết | I | 22 |
| Đoàn Lê Giang | Nghiên cứu văn học Việt Nam trong khu vực văn hóa chữ Hán: một định hướng quan trọng trong nghiên cứu văn học Việt Nam hơn 20 năm nay | I | 84 |
| Roman Ingarden | Quan sát nghiên cứu tiền thẩm mỹ tác phẩm nghệ thuật văn học | I | 105 |
| Trần Đình Sử | Đọc thơ trữ tình từ góc độ kiến tạo bài thơ | II | 2 |
| Phạm Thị Thu Hương | Hướng dẫn học sinh tự đặt câu hỏi trong dạy học đọc hiểu văn bản ở trường trung học | II | 8 |
| Trần Thị Thu Hương | Đọc hiểu tiểu thuyết chương hồi theo đặc trưng thể loại | II | 21 |

| (1) | (2) | (3) | (4) |
|------------------------------------|---|------|-----|
| Dương Tuấn Anh | Nghệ thuật biên văn trong <i>Văn tế nghĩa sĩ Càn Giuộc</i> | II | 32 |
| Lê Thị Gấm | Nghiên cứu tiểu thuyết lịch sử Việt Nam sau năm 1986: Từ lý thuyết phản ánh đến lý thuyết diễn ngôn | II | 44 |
| Bùi Minh Đức | Đổi mới giảng dạy văn học nhà trường - Nhìn từ yêu cầu phát triển năng lực học sinh | II | 110 |
| Lưu Khánh Thơ | <i>Mấy vấn đề lịch sử và lí luận trong đời sống văn hóa, văn chương Việt</i> (Đọc sách) | II | 119 |
| Trần Đình Sử | Tiếp nhận thi pháp học Nga ở Việt Nam | III | 9 |
| Lê Ngọc Trà | Ý thức văn học với lịch sử văn học | IV | 2 |
| Phong Lê | Phê bình văn học trong mở đầu thế kỷ XXI: Đôi nét phác thảo | IV | 13 |
| V.N.Voloshinov | Cấu trúc phát ngôn | IV | 20 |
| Cao Kim Lan | Những ẩn số trên hành trình nghiên cứu của Trần Đình Sử | IV | 33 |
| Hồ Quốc Hùng | Văn học ứng dụng, học gì? | IV | 112 |
| Lê Phương Liên | <i>Văn học thiếu nhi - một số vấn đề tác phẩm và thể loại</i> (Đọc sách) | IV | 120 |
| Phùng Ngọc Kiên | Kết cấu trường văn học Pháp nửa đầu thế kỷ XX | VI | 2 |
| Phạm Xuân Thạch | Đấu tranh tư tưởng và thay đổi hệ hình văn nghệ (Tranh luận về tân văn hoá ở Việt Nam, 1945 - 1946) | VI | 12 |
| Phạm Văn Quang | Văn học Việt Nam Pháp ngữ như một hiện tượng giao thoa của trường văn học | VI | 26 |
| Đoàn Ánh Dương | Xuất bản như một tiền đề tự chủ văn chương (Tiếp cận xã hội học văn học về An Nam xuất bản cục) | VI | 42 |
| Đỗ Quang Hưng | Có một nền văn học Công giáo Việt Nam | VII | 5 |
| Nguyễn Hồng Dương | Hình tượng Thiên Chúa và Thánh nữ Maria (Qua đại tự, câu đối Hán Nôm nhà thờ Công giáo Việt Nam) | VII | 13 |
| Francis assisi Lê Đình Bảng | Văn học Công giáo Việt Nam - Những chặng đường | VII | 24 |
| Hà Minh Đức | Giáo sư, viện sĩ Hoàng Trinh | VIII | 2 |
| Trần Đình Sử | Giáo sư, viện sĩ Hoàng Trinh với ký hiệu học và thi pháp học | VIII | 7 |
| Nguyễn Ngọc Thiện | Kỷ niệm về giáo sư, viện sĩ Hoàng Trinh - người Thầy, người Anh, nhà nghiên cứu lý luận, phê bình văn học hàn lâm | VIII | 13 |
| Hà Công Tài | Trên hành trình nghiên cứu ký hiệu học | VIII | 18 |
| Nguyễn Đình Minh Khuê | Dẫn nhập phê bình hiện tượng luận G. Bachelard | VIII | 40 |
| Lê Trà My | Trần Đình Sử - từ lí luận phê bình đến quan điểm dạy học ngữ văn ở trường phổ thông | VIII | 123 |
| Jerôme De Wit | Một thảo luận về vấn đề chuyển dịch giữa văn học Hàn Quốc “tiền hiện đại” và “hiện đại” | IX | 151 |

| (1) | (2) | (3) | (4) |
|------------------------------|--|-----|-----|
| Lê Quốc Hiếu | Bước đầu tìm hiểu độc giả của văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam giai đoạn 1945-1975 | X | 45 |
| Trịnh Bá Đĩnh | Giới thiệu, tiếp nhận văn học nước ngoài ở Việt Nam trong bối cảnh giao lưu văn hóa giai đoạn 1945-1985 | X | 62 |
| Phan Trọng Hoàng Linh | Vận dụng lý thuyết văn học của M.M. Bakhtin trong nghiên cứu văn học Việt Nam từ góc độ văn hóa | X | 82 |
| Bùi Như Hải | <i>Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng và lý luận thực tiễn nghệ thuật</i> (đọc sách) | X | 104 |
| Vũ Đức Tân | Vũ Đức Phúc và công tác nghiên cứu phê bình văn học | XI | 68 |
| Peter Barry | Phê bình văn học theo trường phái Marxist | XI | 72 |
| Lê Thị Kim Loan | Mối quan hệ giữa phê bình phản hồi - độc giả và lý thuyết tiếp nhận | XI | 85 |
| Lê Dục Tú | Giải cấu trúc thể loại - nhìn từ sự tương tác giữa văn xuôi và thơ trong văn học Việt Nam sau 1986 | XI | 91 |
| Đào Lê Na | Kể chuyện tiếp biến qua các phương tiện truyền thông như là cải biên: từ truyện ngắn <i>Trăng nơi đáy giếng</i> đến sân khấu và điện ảnh | XI | 98 |
| Đoàn Thị Thu Vân | Từ bộ môn văn học đến văn học ứng dụng trong trường đại học | XI | 112 |
| Phùng Gia Thế | <i>Ma thuật của truyện kể (Tự sự học và những diễn giải văn học Việt Nam hiện đại)</i> (Đọc sách) | XI | 116 |
| Bùi Lưu Phi Khanh | Khái niệm cổ mẫu trong tâm lí học phân tích và vai trò trong nghiên cứu văn hóa nghệ thuật | XII | 97 |
| Ngô Viết Hoàn | Công trình mới nhất về văn học so sánh ở Việt Nam - Lược đọc <i>Cơ sở văn học so sánh</i> của Trần Đình Sử | XII | 105 |

III- VĂN HỌC HIỆN ĐẠI

| (1) | (2) | (3) | (4) |
|---|--|-----|-----|
| Huỳnh Như Phương | Ý Nhi và những bến bờ của sáng tạo | I | 30 |
| Bùi Thanh Truyền | Động hình mới của văn xuôi chiến tranh qua những phác thảo rời | I | 38 |
| Phùng Kiên | Kết cấu kịch trong trích đoạn <i>Vinh biệt cửu trùng đài</i> | I | 115 |
| Nguyễn Thanh Tâm | <i>Biên niên sử phong trào Thơ mới Hà Nội (1932-1945)</i> (Đọc sách) | I | 122 |
| Nguyễn Giáng Hương | Không gian Paris trong tiểu thuyết <i>Nam và Sylvie</i> của Phạm Duy Khiêm và <i>Những người đàn bà ngồi khắp chốn</i> của Phạm Văn Ký | II | 59 |
| Nguyễn Thanh Tùng - Trịnh Thùy Dương | <i>Quả dưa đắng</i> của Nguyễn Trọng Thuật - một dấu mốc quan trọng trên diễn trình tái trữ tác Tây qua truyện | III | 22 |
| Nguyễn Thị Hân - Nguyễn Thị Ngọc Lan | Phong tục người Việt trong bộ ba tiểu thuyết <i>Đảo hoang</i> , <i>Nhà Chu</i> , <i>Chuyện nở thẳm</i> của Tô Hoài | III | 44 |

| (1) | (2) | (3) | (4) |
|------------------------------------|--|------|-----|
| Trần Văn Toàn | Chu Văn Sơn: Điệu hồn và cấu trúc | IV | 49 |
| Lê Thị Dương | Văn học - điện ảnh 1945-1985: Cuộc đồng hành lịch sử | IV | 69 |
| Hà Minh Đức | Tác phẩm Hồ Chí Minh - thiên cầm nang lồng của cách mạng Việt Nam | V | 2 |
| Lê Đình Cúc | Nghệ thuật tập Kiều và lẩy Kiều của Bác Hồ | V | 11 |
| Nguyễn Thị Bích | Giọng điệu trần thuật trong truyện ngắn của những nhà văn mở đường sau 1975 ở Việt Nam | V | 23 |
| Nguyễn Thị Kiều Hương | Cái nghịch lí trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp | V | 35 |
| Ngô Thu Thủy | Vừa nhầm mắt vừa mở cửa sổ của Nguyễn Ngọc Thuần và “thực đơn cho các giác quan” của người đọc | V | 42 |
| Nguyễn Kiến Thọ - Nguyễn Thị Huyền | Kiểu nhân vật có số phận bi kịch trong truyện ngắn của Tống Ngọc Hân | V | 49 |
| Hoàng Diệp | Lạ hóa ngôn ngữ trong truyện ngắn trào phúng của Nguyễn Công Hoan | V | 56 |
| Dương Thu Hằng - Nông Thị Thiêm | Thơ viết bằng tiếng Tày của Dương Khâu Luông | V | 60 |
| Bùi Mạnh Nhị | Nguyễn Bính - Nhà thơ của nhiều thời | VI | 94 |
| Lưu Khánh Thơ | Thơ nữ Việt Nam - Từ cổ điển đến hiện đại | VI | 104 |
| Nguyễn Văn Ba | Đất nước - Nhìn từ ý thức tâm linh | VI | 116 |
| Agata Nguyễn Thị Kim Tuyến | Thơ văn Sảng Đinh Nguyễn Văn Thích | VII | 43 |
| Đoàn Xuân Dũng | Tính hình tượng và biểu cảm trong tác phẩm <i>Sứ điệp tình thương</i> của Nguyễn Xuân Văn | VII | 50 |
| Vũ Thanh | Truyện thay Lazarô Phiên của Nguyễn Trọng Quán nhìn từ tác động của các luồng văn hóa | VII | 95 |
| Phạm Phú Minh | Trương Vĩnh Ký - Người mở đường văn chương quốc ngữ | VII | 108 |
| Winston Phan Đàm Nguyễn | Minh oan cho Pétrus Trương Vĩnh Ký về câu “Ở với họ mà không theo họ” | VII | 114 |
| Hồ Quốc Hùng | Có hay không tinh thần Kitô giáo trong cấu tứ <i>Đây thôn Vĩ Dạ</i> của Hà Mặc Tử | VII | 132 |
| Đỗ Thị Thu Huyền | Tiếp cận thế giới nghệ thuật của Song Nguyễn (Đọc sách) | VII | 137 |
| Hoàng Thị Huế | Một số đặc điểm ngôn ngữ nghệ thuật thơ Việt Nam sau 1986 | VIII | 63 |
| Đỗ Hải Ninh | Hiện tượng Nguyễn Nhật Ánh trong dòng chảy văn học thiếu nhi Việt Nam hiện nay | VIII | 70 |
| Ngô Bích Thu | Hiện thực tưởng tượng trong tập thơ <i>Dưới trăng và một bậc cửa</i> của Nguyễn Quang Thiều | VIII | 81 |
| Thái Phan Vàng Anh | Văn chương và những vấn đề toàn cầu hóa (Nhìn từ tiểu thuyết Linda Lê) | VIII | 89 |

| (1) | (2) | (3) | (4) |
|------------------------|--|-----|-----|
| Nguyễn Thị Hiền | Văn học Việt Nam trong tầm nhìn của các nhà nghiên cứu Hàn Quốc đương đại | IX | 58 |
| Phan Thị Nở | Thiết kế chuyên đề học tập, một hướng tiếp cận mới của chương trình Ngữ văn 2018 | X | 100 |
| Hà Minh Đức | Ánh sáng của chân lý và hương hoa trên đường thơ Tố Hữu | X | 3 |
| Nguyễn Hữu Sơn | Tiếp nhận thơ Tố Hữu thời kỳ trước 1945 | X | 11 |
| Mã Giang Lân | Tố Hữu - nhà thơ nhịp bước cùng lịch sử | X | 19 |
| Lưu Khánh Thơ | Chế Lan Viên - nhà thơ song hành cùng thời đại | X | 27 |
| Hồ Thế Hà | Tính triết lý trong thơ Chế Lan Viên | X | 32 |

IV- VĂN HỌC CỔ - CẬN ĐẠI

| (1) | (2) | (3) | (4) |
|----------------------------|--|-----|-----|
| Lưu Chí Cường | Tổng luận về danh tác văn học cổ điển Việt Nam | I | 48 |
| Vũ Thanh | Lý giải xu hướng vận động của thơ Nôm Đường luật | I | 55 |
| Trần Thị Băng Thanh | Lê Quý Đôn, nhà ngoại giao sắc sảo và tinh tế (Nhìn từ <i>Quế Đường thi tập</i>) | I | 65 |
| N.I. Nikulin | Biến thể truyền miệng của <i>Truyện Xuân Hương</i> ở Việt Nam | I | 79 |
| Nguyễn Kim Châu | Tựa, bạt trong thưởng thức, phê bình thơ ca Việt Nam thời trung đại | II | 90 |
| Nathalie Nguyen | Nữ chính kinh điển và hóa thân thời hiện đại: <i>Truyện Kiều</i> và những tương đồng trong <i>Printemps inachevé</i> | II | 101 |
| Kiều Thu Hoạch | Khám phá mới về hai chữ <i>Song viết</i> | III | 19 |
| Nguyễn Ngọc Phú | Nghệ thuật lựa chọn thể loại và sử dụng ngôn ngữ trong <i>Ngọa Du Sào thi tập</i> | III | 36 |
| Trần Thị Thanh Nhị | Tính dực nhìn từ nghệ thuật chinh phục và quyến rũ (Khảo sát trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam) | III | 53 |
| Nguyễn Mạnh Hoàng | Trịnh Sâm và <i>Tâm thanh tồn duy tập</i> | IV | 80 |
| Nguyễn Như Trang | Phạm trù quân thân trong quan niệm thẩm mỹ của Nguyễn Công Trứ | IV | 89 |
| Ngô Thị Thanh Nga | Các vấn đề xã hội <i>Truyện Kiều</i> trong tương quan so sánh các truyện Nôm bắc học | V | 92 |
| Trần Thị Nhung | Truyện thơ Nôm <i>Bích Câu kỳ ngộ</i> nhìn từ các biểu tượng | V | 100 |
| Lương Thị Hải Vân | Sáng tác từ của Nguyễn Hoàng Trung | V | 108 |
| Nguyễn Phương Thảo | <i>Văn học trung đại Việt Nam (Thể loại - con người - ngôn ngữ)</i> (Đọc sách) | VI | 123 |
| Trần Quốc Anh | Từ <i>Phép giảng tám ngày</i> đến <i>Hội đồng Tứ giáo</i> (Các tác phẩm hộ giáo trong văn chương Công giáo Việt Nam thế kỷ XVII-XIX) | VII | 73 |
| N.I. Nikulin | Macao trong các di sản văn học chính luận Việt Nam cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX | VII | 87 |

| (1) | (2) | (3) | (4) |
|--|--|------|-----|
| Mai Thị Thu Huyền | Nỗi thất vọng về nam tính thời loạn trong sáng tác của Nguyễn Khuyến | VIII | 55 |
| Nguyễn Hữu Sơn | Tiếp nhận Nguyễn Du và <i>Truyện Kiều</i> - Trường hợp Trương Tửu | XI | 3 |
| Trần Thị An | <i>Truyện Kiều</i> với tư cách là một hiện tượng văn hóa | XI | 10 |
| Đoàn Lê Giang | <i>Kim Vân Kiều truyện</i> ở Nhật Bản | XI | 22 |
| Nguyễn Thị Sông Hương | <i>Truyện Kiều</i> , 14 thập kỉ dịch và tiếp nhận, 75 bản dịch trong 20 ngôn ngữ | XI | 37 |
| Phan Thị Thu Hiền | <i>Tuồng Kim Vân Kiều</i> - từ văn bản đến giá trị văn chương | XI | 53 |
| Trần Thị Băng Thanh - Nguyễn Thị Tuyết | <i>Kim Vân Kiều</i> tân truyện lưu trữ tại Thư viện Anh quốc - Một bản độc đáo trong hệ thống các văn bản Nôm <i>Truyện Kiều</i> | XII | 3 |
| Nguyễn Văn Vĩnh | <i>Truyện Thúy Kiều</i> | XII | 22 |
| Trần Hải Yến | Tìm thêm ngữ cảnh cho việc tân diễn <i>Truyện Kiều</i> của Nguyễn Văn Vĩnh | XII | 28 |
| Nguyễn Nam | Cải biên điện ảnh đầu tiên thời thuộc Pháp: Trường hợp <i>Kim Vân Kiều</i> | XII | 46 |
| Đoàn Ánh Dương | <i>Truyện Kiều</i> của Nguyễn Du với các nhà dân tộc chủ nghĩa ở Việt Nam đầu thế kỷ XX | XII | 61 |
| Trần Hoài Anh | Nguyễn Du và <i>Truyện Kiều</i> trong đời sống văn học miền Nam trước 1975 | XII | 71 |
| Đào Thị Diễm Trang | <i>Truyện Kiều</i> trên sân khấu đương đại Việt Nam | XII | 87 |

V- VĂN HỌC DÂN GIAN

| (1) | (2) | (3) | (4) |
|----------------------|--|-----|-----|
| Thạch Thị Thanh Loan | So sánh kiều truyện “người con riêng” của người Khmer Nam Bộ với các truyện cùng type của các dân tộc khác | III | 70 |
| Trần Đức Ngôn | Những vấn đề của khoa nghiên cứu văn học dân gian (Đọc sách) | III | 116 |
| Ngô Thị Thanh Quý | Đọc hiểu ngôn ngữ, hình ảnh trong ca dao Việt Nam | V | 17 |
| Nguyễn Thị Minh Thu | Dấu ấn văn hóa trong tục ngữ dân tộc Dao ở Bắc Kạn | V | 62 |
| Ngô Thị Thu Trang | Về nhân vật nam giới trong truyện thơ Nôm Tây | V | 73 |
| Cao Thị Hảo | Dấu ấn văn hóa biến trong đời sống và tín ngưỡng của người Chăm | V | 79 |

VI- VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

| (1) | (2) | (3) | (4) |
|-----------------|---|-----|-----|
| Trần Văn Toàn | Diễn ngôn Đông Á mới - tiếng nói từ ngoại vi (trường hợp <i>Miss Sài Gòn</i> của Lee Dong Soon) | I | 98 |
| Lê Huy Tiêu | Lỗ Tân và Sigmund Freud | III | 82 |
| Phạm Phương Chi | Dự án dân tộc chống thực dân trong tiểu thuyết <i>Kanthapura</i> của Raja Rao: Vấn đề tiếng Anh và việc sử dụng các huyền thoại | III | 89 |

| (1) | (2) | (3) | (4) |
|--|--|------|-----|
| Nguyễn Thị Mai Liên - Lương Hải Vân | Motif folklore trong sáng tác của F.Kafka và H.Murakami | III | 101 |
| Lê Thị Thanh Tâm | Nghệ thuật kết truyện trong <i>Chiếc lá cuối cùng</i> của O.Henry | III | 112 |
| Nguyễn Thị Huỳnh Trang | Sự độc đáo của Yoshimoto Banana qua thẩm mĩ Kawaii | IV | 57 |
| Nguyễn Tô Lan - Rostislav Berezkin | Tiếp nhận tiểu thuyết thông tục Trung Quốc tại Việt Nam thế kỉ XVIII: Từ <i>Nam Hải Quán Âm Bồ Tát xuất thân tu hành truyện</i> tới <i>Nam Hải Quán Âm Bản hạnh quốc ngữ diệu soạn</i> | IV | 95 |
| Hoàng Thị Thập - Nguyễn Hoàng Hà | Tác phẩm <i>Một lít nước mắt</i> của Kito Aya và lòng biết ơn | V | 117 |
| Lưu Thu Trang | Tiếp cận tác phẩm <i>Ông lão đánh cá và con cá vàng</i> trong chương trình Ngữ văn phổ thông từ góc nhìn văn hóa | V | 125 |
| Pierre V. Zima | Về một xã hội học tiểu thuyết: <i>Kẻ xa lạ</i> của Albert Camus | VI | 72 |
| Trần Thị Phương Phương | Truyện về các nữ thánh của Jeronimo Maiorica | VII | 60 |
| Ngô Viết Hoàn | Nghiên cứu văn học so sánh ở Trung Quốc giai đoạn 1985 đến nay | VIII | 25 |
| Đỗ Thị Hường | Giải mã không gian trong <i>Tội ác và hình phạt</i> của Dostoevsky | VIII | 99 |
| Đặng Thị Bích Hồng | Nghệ thuật trình hiện sự thật: Kể chuyện phi hư cấu trong <i>Lời nguyện cầu từ Chernobyl</i> của Svetlana Alexievich | VIII | 112 |
| Phan Thị Thu Hiền | Những tương đồng giữa <i>sijo</i> và <i>lục bát</i> (trong so sánh với tuyệt cú và haiku) | IX | 3 |
| Nguyễn Hữu Sơn | Tương đồng lịch sử văn học Việt - Hàn thế kỷ X-XIV | IX | 15 |
| Nguyễn Thanh Tùng | Tiếp nhận văn học Korea ở Việt Nam thời trung đại | IX | 26 |
| Lý Xuân Chung | Tiếp nhận và dịch thuật <i>Tạ thị Nam chinh ký</i> ở Việt Nam | IX | 43 |
| Nguyễn Huy Khuyển | Tiên thi Kim Sát Kat - Cuộc đời với thơ | IX | 50 |
| Nguyễn Phương Thảo | Nghiên cứu văn học Hàn Quốc trên tạp chí <i>Nghiên cứu văn học</i> (Việt Nam) đầu thế kỷ XXI | IX | 77 |
| Lưu Thị Hồng Việt | Ảnh hưởng của tín ngưỡng, lễ hội đến sự kiến tạo không gian làng trong truyện cổ tích Hàn Quốc - Việt Nam | IX | 89 |
| Nguyễn Thị Mai Quyên | Nhân học văn học trước thực tiễn nghiên cứu so sánh văn học dân gian Việt Nam - Hàn Quốc | IX | 106 |
| Ngô Viết Hoàn | Hình tượng người mẹ và tinh thần nữ quyền trong tiểu thuyết Park Wan Suh | IX | 116 |
| Nguyễn Thị Thúy Hạnh | Mỹ học chính trị trong thơ Hàn Quốc hiện đại (trường hợp Kim Chi Ha, Kim Kwang Kyu) | IX | 128 |
| Minsoo Kang | Giữa truyền thống và hiện đại - vị trí của tiểu thuyết hangeul cổ điển trong lịch sử văn học Hàn Quốc | IX | 142 |
| Nguyễn Thị Minh Thương | Khái lược về quan niệm và thực tiễn biên soạn văn học sử tại Trung Quốc | X | 92 |